

NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ NƯỚC TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN CHO THẮNG LỢI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

ThS NGUYỄN QUANG HÒA

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS DƯƠNG THÚY NGỌC

Trường Chính trị tỉnh Tuyên Quang

Tóm tắt: Mùa Xuân năm 1941, sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc, trực tiếp cùng với Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam: “thay đổi chiến lược”, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa cách mạng, đào tạo cán bộ để đón thời cơ phát động khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam - một cuộc cách mạng điển hình của thế kỷ XX- đã mở ra một thời đại mới, rực rỡ nhất trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam: Thời đại Hồ Chí Minh. Đó là minh chứng lịch sử rõ rệt nhất về thiên tài trí tuệ Hồ Chí Minh, bản lĩnh sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa lại nền độc lập của dân tộc, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ khóa: Nguyễn Ái Quốc; về nước; trực tiếp lãnh đạo; Cách mạng Tháng Tám

Cuối những năm 30 thế kỷ XX, tình hình thế giới và Đông Dương có những chuyển biến lớn, phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam đang phát triển mạnh. Nguyễn Ái Quốc nhận thấy đây là cơ hội thuận lợi để Việt Nam đấu tranh giành quyền độc lập, do đó Người đã gấp rút chuẩn bị về nước thực hiện khát vọng đã ấp ủ từ năm 1923: “trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”¹. Đầu năm 1940, với các bí danh “Hồ Quang”, “ông Trần”, Nguyễn Ái

Quốc đến Côn Minh, thủ phủ của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), bắt liên lạc với các đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương đang hoạt động tại đây như: Vũ Anh (Trịnh Đông Hải), Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, chuẩn bị điều kiện về nước hoạt động.

Tháng 6-1940, Nguyễn Ái Quốc (bí danh là Vương) bắt liên lạc và cử hai đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp (vừa từ trong nước sang) đi học trường Quân chính của Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Diên An. Ngay sau đó, được tin quân Đức tràn vào Paris, Nguyễn Ái Quốc yêu

cầu Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không đi Diên An nữa, mà chuẩn bị về nước hoạt động.

Tháng 10-1940, “được tin hơn 40 thanh niên Cao Bằng vượt biên giới sang Quảng Tây (Trung Quốc) lánh địch khủng bố, Nguyễn Ái Quốc chỉ thị cho các đồng chí cùng hoạt động “tổ chức một lớp huấn luyện cho các anh em, sau đó, đưa anh em trở về cùng cô và mở rộng phong trào ở Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước”².

Đầu tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc về sát biên giới Việt-Trung. Tại Tĩnh Tây, Người đã gặp và chỉ thị cho đồng chí Hoàng Văn Thụ (do Trung ương lâm thời cử sang) về việc chuẩn bị tổ chức cuộc hội nghị toàn quốc của Đảng. Trước khi vượt biên giới về nước, Người tiến hành huấn luyện cho hơn 40 thanh niên Cao Bằng tại làng Nậm Quang (Tĩnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc). Người trực tiếp biên soạn tài liệu huấn luyện, sau này được in thành sách *Con đường giải phóng*. Nội dung gồm: Đường lối, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới; chủ trương, nhiệm vụ, hình thức tổ chức, phương thức hoạt động, phương pháp công tác của cán bộ Mặt trận Việt Minh. Đây là lớp huấn luyện cán bộ đầu tiên cho phong trào Việt Minh ở Cao Bằng. Các đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Phùng Chí Kiên, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, trực tiếp giảng dạy. Sau huấn luyện, hơn 40 cán bộ với nhiệt huyết cách mạng sôi sục, được trang bị thêm kiến thức cách mạng, đã trở về quê hương gây dựng những đoàn thể cứu quốc đầu tiên của cả nước.

Ngày 28-1-1941, sau 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí Phùng Chí Kiên, Lê Quang Ba, Thế Anh, Đặng Văn Cáp, rời Trung Quốc trở về Việt Nam qua cột mốc 108 trên biên giới Việt-Trung, thuộc xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Ngay sau khi về nước, Người đã cùng với Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo nhân dân cả nước chuẩn bị mọi điều kiện tiến tới khởi nghĩa giành lại nền độc lập dân tộc.

Một là, cùng với Trung ương Đảng hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc

Từ ngày 10 đến 19-5-1941, tại Khuổi Nặm, làng Cốc Bó, xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc chủ trì HNTU 8. Hội nghị nhận định về tình hình thế giới hiện tại và dự đoán “cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”³. Là một bộ phận của thế giới đang diễn ra chiến tranh, Đông Dương bị đặt dưới ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật đã rơi vào thảm cảnh: “Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”⁴. Từ cách nhìn khách quan đó, Hội nghị đưa ra nhiều giải pháp mới về vấn đề dân tộc nhằm đáp ứng yêu cầu khẩn cấp của vận mệnh dân tộc và nguyện vọng khát khao nhất của nhân dân: “Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp-Nhật”⁵. Trên cơ sở đó, Hội nghị quyết định: “Cần phải thay đổi chiến lược”⁶, coi nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước tiên, chưa đưa ra khẩu hiệu cách mạng ruộng đất như Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra từ năm 1930. Từ đây, cách mạng Đông Dương được gọi là cách mạng giải phóng dân tộc.

Hai là, xây dựng Mặt trận Việt Minh, chuẩn bị lực lượng chính trị

Thành lập Mặt trận Việt Minh là một sáng kiến lớn của Nguyễn Ái Quốc, như Võ Nguyên Giáp đã viết: “Trong những ngày ở Quế Lâm, có lần Bác bàn với chúng tôi: Trong tình hình mới, vấn đề đoàn kết toàn dân giải phóng dân tộc càng quan trọng. Ta phải nghĩ đến việc lập một hình thức mặt trận thật rộng rãi, có tên gọi cho thích hợp. Việt Nam giải phóng đồng minh? Việt Nam phản đế đồng minh? hay là Việt Nam độc lập đồng minh? có thể gọi tắt là Việt Minh cho nhân dân dễ nhớ”⁷. Nhiệm vụ trên

được thực hiện thí điểm thành công tại ba châu: Hà Quảng, Hòa An và Nguyên Bình thuộc Cao Bằng. Trên cơ sở đó, HNTU 8 của Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

Mặt trận Việt Minh được tổ chức và hoạt động trên những quan điểm, nguyên tắc được quy định tại: “Tuyên ngôn”, “Chương trình” và “Điều lệ”. Trong đó, “Tuyên ngôn” nhấn mạnh: “Coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy, Việt Minh sẵn sàng giơ tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể, không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia, miễn thành thực muốn đánh đuổi Nhật, Pháp để dựng lên một nước Việt Nam tự do và độc lập”⁸. Chương trình nêu rõ: “Việt Minh chủ trương liên hiệp hết các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương, đứng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, làm cho nước Việt Nam và cả xứ Đông Dương được hoàn toàn độc lập. Việt Minh hết sức giúp cho dân Miên và dân Lào thành lập “Cao Miên độc lập đồng minh” và “Ai Lao độc lập đồng minh” đứng cùng mình thành lập “Đông Dương độc lập đồng minh” (Mặt trận thống nhất chống Nhật, Pháp của cả Đông Dương)”⁹. Sau khi đánh đuổi Nhật, Pháp, giành độc lập dân tộc, sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng năm cánh làm Quốc kỳ. Chính phủ sẽ thi hành các chính sách theo tinh thần dân chủ mới về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội cho các giai cấp, tầng lớp nhân dân.

Ngày 6-6-1941, Nguyễn Ái Quốc viết thư “Kính cáo đồng bào”. Người chỉ rõ: “Hiện thời, muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: *Toàn dân đoàn kết*... Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kê vai gánh vác một phần trách nhiệm: Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng

phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề”¹⁰.

Nhằm khuyến khích trương Mặt trận Việt Minh kêu gọi toàn dân đoàn kết, Nguyễn Ái Quốc cho đăng bài thơ “Việt Nam độc lập” trên báo *Việt Nam độc lập*, số 103, ngày 21-8-1941:

“Việt Nam độc lập” thối kèn loa
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già
Đoàn kết vững bền như khối sắt
Đề cùng nhau cứu nước Nam ta!”¹¹.

Tiếp đó, trên nhiều số báo *Việt Nam độc lập*, Nguyễn Ái Quốc liên tục đăng nhiều bài thơ với tiêu đề “Dân cày” (số 103, ngày 21-8-1941), “Phụ nữ” (số 104, ngày 1-9-1941), “Trẻ con” (số 106, ngày 21-9-1941), “Công nhân” (số 108, ngày 11-10-1941), “Ca binh lính” (số 110, ngày 1-11-1941)¹², kêu gọi các giới đồng bào đoàn kết cứu nước; gia nhập đoàn thể cứu quốc. Đặc biệt, Người có bài văn xuôi “Nên học sử ta”, đăng báo *Việt Nam độc lập*, số 117, ngày 1-2-1942, trong đó nhấn mạnh:

“Sử ta dạy cho ta bài học này:

Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một
thì nước ta độc lập, tự do.

Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị
nước ngoài xâm lấn”¹³.

Cùng đề tài trên, vào tháng 2-1942, tại núi rừng Cao Bằng, Nguyễn Ái Quốc đã viết tác phẩm “Lịch sử nước ta” theo thể thơ lục bát gồm 208 câu, kèm theo bảng liệt kê “Những năm quan trọng” trong đó có nêu “1945 Việt Nam độc lập”¹⁴, đánh dấu một dự đoán thiên tài của Người. Nội dung tác phẩm trình bày những chiến công hiển hách, những giá trị sáng tạo của nhân dân Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước nhằm thôi thúc người đọc hăng hái hy sinh vì sự nghiệp cứu nước vô cùng khẩn cấp đang đòi hỏi mà “Mười chính sách của Việt Minh” (1941) đã đề ra:

“Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh hội có muôn vàn hội viên.
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh”¹⁵.

Mặt trận Việt Minh sử dụng báo chí để tuyên truyền, giáo dục và đoàn kết nhân dân. Ngày 1-8-1941, Nguyễn Ái Quốc sáng lập báo *Việt Nam độc lập*, tiếp đó là báo *Cứu quốc* ra số đầu từ 25-1-1942. Nhiều tinh và tù nhân cộng sản trong một số nhà tù của địch cũng ra báo phổ biến văn kiện của Mặt trận Việt Minh. Tại nhiều nơi, văn kiện của Việt Minh được chuyển thể từ văn xuôi thành thơ tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số để thu hút đông đảo bạn đọc hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa quan trọng của việc gia nhập Việt Minh và phấn đấu thực hiện nhiệm vụ của hội viên.

Từ cuối năm 1941, ở Cao Bằng bắt đầu xuất hiện những xã, tổng toàn dân tham gia Việt Minh gọi là “xã hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn”. Đến cuối năm 1942, đã có 3/9 châu ở Cao Bằng là Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình trở thành “châu hoàn toàn”. Ở những “châu hoàn toàn”, “tổng hoàn toàn”, “xã hoàn toàn”, bộ máy chính quyền địch chỉ tồn tại về mặt hình thức, còn thực tế quyền hành do Ủy ban Việt Minh nắm giữ. Thực hiện chủ trương của HNTU 8, việc tuyên truyền Việt Minh từ trung tâm Cao Bằng “Tây tiến” sang Hà Giang, Tuyên Quang, “Đông tiến” xuống Lạng Sơn, “Nam tiến” đi Bắc Cạn. Từ sự phát triển của phong trào Việt Minh ở Cao Bằng và các địa

phương lân cận, Mặt trận Việt Minh ở Việt Bắc đã đúc rút những kinh nghiệm để sau này biên soạn thành cuốn *Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc* (xuất bản đầu năm 1944), cung cấp những bài học quý báu về xây dựng, củng cố các đoàn thể cứu quốc cho cán bộ Việt Minh toàn quốc.

Ba là, củng cố tổ chức đảng, xúc tiến đào tạo cán bộ

Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng đủ năng lực lãnh đạo công cuộc chuẩn bị và tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị cho rằng cuộc cách mạng Đông Dương lúc này là cách

Thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả của một quá trình chuẩn bị đầy đủ lực lượng, chủ động, tích cực theo dõi tình hình, dự đoán chính xác thời cơ cách mạng của Trung ương Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc để lãnh đạo nhân dân đứng lên chớp thời cơ tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Sự chủ động, sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng là yếu tố quyết định đến thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

mạng giải phóng dân tộc, một bước đi chiến lược trong tiến trình cách mạng dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc. Vì vậy, Đảng phải được xây dựng vững mạnh, thực sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân “đủ năng lực lãnh đạo cuộc cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng”¹⁶. Sau hội nghị, các cấp bộ đảng từ Trung

ương đến địa phương đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng về mọi mặt, nhất là công tác khôi phục, củng cố tổ chức đảng. Ban Thường vụ Trung ương liên tiếp ra các văn bản, tài liệu hướng dẫn các đảng bộ thực hiện củng cố và phát triển Đảng, thực hiện công tác bí mật. Tháng 6-1941, Tổng Bí thư Trường-Chinh viết bài “Củng cố Đảng” đăng trên báo *Giải phóng*, số 2, kêu gọi các cấp bộ “trừ diệt các bệnh quan liêu và bao biện” trong bộ máy Đảng, chấn chỉnh sinh hoạt chi bộ cho “đều đặn và

liên tiếp”. Ngày 16-9-1941, Ban Thường vụ Trung ương ra Thông cáo “Phải dùng đủ cách chống khủng bố” gửi cho các cấp bộ. Trung ương chỉ rõ lúc này đấu tranh chống khủng bố “là một bộ phận của phong trào tranh đấu cứu quốc”¹⁷, đồng thời nêu lên 12 nhiệm vụ cho các cấp bộ đảng thực hiện chống khủng bố, bảo vệ tổ chức đảng và phát triển phong trào cách mạng, sửa chữa các nhận định và hành động sai lầm. Đặc biệt, ngày 1-12-1941, Trung ương ra chỉ thị yêu cầu các cấp bộ đảng phải ra sức củng cố và mở rộng cơ sở đảng.

Bên cạnh công tác xây dựng tổ chức đảng, Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng đặc biệt quan tâm tới đào tạo cán bộ để họ nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Mặt trận Việt Minh, trang bị về lý luận và phương pháp công tác, đây là “cẩm nang” giúp cho họ có năng lực hoạt động. Ngoài việc đào tạo về lý luận và phương pháp cách mạng, Người đặc biệt chú ý bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ. Theo Người, cán bộ tốt là người phải gương mẫu, chịu hy sinh gian khổ, đi đầu trong mọi khó khăn, không tự kiêu, tự mãn, phải là một người hết lòng vì dân, vì nước, “muốn làm công tác tốt thì mỗi cán bộ phải xây dựng tu dưỡng cho mình đạo đức cách mạng”¹⁸, “phải làm cho dân tin, dân yêu, dân phục”¹⁹.

Các lớp huấn luyện được tổ chức cho nhiều đối tượng, nội dung các bài giảng Nguyễn Ái Quốc biên soạn phù hợp với đối tượng và trình độ học viên. Sau mỗi bài giảng, Người đều tổng kết, đánh giá, nhận xét, giải đáp thắc mắc của các học viên. Trong khi rất coi trọng công tác cán bộ về mặt tư tưởng, lý luận, Nguyễn Ái Quốc còn trực tiếp bắt tay vào công việc đào tạo đội ngũ cán bộ kiên trung làm nòng cốt cho phong trào.

Theo yêu cầu của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng, Cao Hồng Lĩnh, hoạt động ở Cao Bằng, tích cực tham gia vào công tác đào tạo cán

bộ. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã mở 3 lớp huấn luyện cán bộ ở Nguyên Bình, 6 lớp tại Hòa An để đào tạo cán bộ Việt Minh cho phong trào Hòa An và các địa phương khác trong tỉnh. Các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đã chọn 10 thanh niên Cao Bằng đi học lớp “Đệ tứ chiến khu vô tuyến điện, điệp báo ban” tại Liễu Châu, Quảng Tây, Trung Quốc. Thời gian học một năm, mãn khóa về nước tham gia cao trào tổng khởi nghĩa²⁰.

Những vấn đề trừu tượng, phức tạp được Nguyễn Ái Quốc diễn giải với hình thức giản dị, dễ hiểu, bằng những hình ảnh quen thuộc như cách nói của nhân dân lao động, phù hợp với các đối tượng học viên có trình độ nhận thức khác nhau. Người chú ý lý luận liên hệ với thực tiễn, học kết hợp chặt chẽ với vận dụng, học đến đâu vận dụng đến đấy. Sau mỗi bài giảng, mỗi khóa học, Người thường hỏi học viên: Học xong về địa phương làm gì? bước I thế nào? bước II thế nào?... Trong nội dung huấn luyện, Người thực hiện từng bước, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao, từ những mục tiêu đấu tranh trước mắt đến mục đích cao cả, lâu dài. Vì vậy, trong lớp có học viên mới biết chữ, có học viên đã là giáo viên nhưng nghe Người giảng tất cả đều hiểu được vì rõ ràng, cô đọng, sâu sắc.

Bốn là, xây dựng lực lượng vũ trang

Từ năm 1941, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã dự đoán: “Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang”²¹. Muốn thế phải chuẩn bị các điều kiện chủ quan, trong đó có lực lượng vũ trang và theo dõi diễn biến của chiến tranh thế giới để nắm bắt thời cơ, kịp thời phát động khởi nghĩa.

Cùng với việc xây dựng, nhân rộng các đoàn thể cứu quốc ra cả nước, Đảng và Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành xây dựng lực lượng vũ trang với những hình thức từ thấp đến cao, từ tự vệ đến tự vệ chiến đấu, tiến lên xây dựng tiêu tổ du kích và đội du kích tập trung.

Tại Cao Bằng, chỉ tính từ tháng 6-1941 đến tháng 4-1942, đã có 300 cán bộ được bồi dưỡng, huấn luyện²². Từ những hạt giống này, các cơ sở cách mạng, các tổ chức cứu quốc nhanh chóng phát triển khắp địa phương trong tỉnh. Để chuẩn bị cho lực lượng vũ trang, đội tự vệ, đội du kích và quân đội cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị Tỉnh ủy Cao Bằng chọn các hội viên cứu quốc tích cực, có năng lực đi học dài hạn ở Trung Quốc. Những cán bộ này được học quân sự từ tháng 4-1941 đến tháng 10-1944 tại các trường quân sự ở Tỉnh Tây, Điền Đông (Quảng Tây, Trung Quốc)²³, đây là những hạt nhân quan trọng trong lực lượng vũ trang ở Cao Bằng cũng như của căn cứ địa cách mạng Cao-Bắc-Lạng và khu giải phóng sau này. Một số học viên đến tháng 12-1944, được chỉ định vào Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. Tháng 10-1941, đội du kích tập trung đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập tại Pác Bó.

Tháng 6-1943, Trung ương bắt đầu mở các lớp “quân chính”, khóa I mở tại Pác Bó với 40 học viên, khóa II ở U Mả (Hòa An) có 100 học viên, khóa III tại Nguyên Bình có 30 học viên, khóa IV tại Hà Quảng dành riêng cho cán bộ Cao-Bắc-Lạng, chương trình chủ yếu theo sách huấn luyện du kích của Nguyễn Ái Quốc²⁴. Nhiều tài liệu được dịch ra tiếng dân tộc theo lối “tam tự kinh, ngũ tự kinh”, ca dao để đồng bào dễ học, dễ thuộc. “Việt Minh ngũ tự kinh” của đồng chí Võ Nguyên Giáp đã được dịch ra tiếng Tày, Dao.

Nguyễn Ái Quốc viết nhiều tài liệu như: “Mười điều kỷ luật”, “Chiến thuật cơ bản của du kích”, “Cách đánh du kích”, “Kinh nghiệm du kích Pháp”, “Kinh nghiệm du kích Nga”, “Kinh nghiệm du kích Tàu”, “Phép dụng binh của Tôn Tử”, “Cách huấn luyện quân sự của Khổng Minh”,... để huấn cán bộ quân sự. Các tài liệu kể trên nêu một số vấn đề về đường lối quân sự, góp phần quan trọng trong việc xây dựng lực lượng vũ

trang cách mạng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

Tháng 12-1944, Hồ Chí Minh ra “Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân”. “Tên ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền”²⁵. Chỉ thị nêu rõ nguyên tắc chính của quân sự là tập trung lực lượng bằng cách chọn lọc trong hàng ngũ du kích Cao-Bắc-Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và tập trung phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực. Đồng thời, “cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện”²⁶. Chỉ thị nêu rõ: “Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”²⁷.

Chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tại hai trận Phai Khắt (25-12-1944) và Nà Ngần (26-12-1944) là những chiến công tiêu biểu cho sức mạnh mưu trí và tinh thần quả cảm của đội quân chính quy đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Chiến thắng đó là tín hiệu mở đầu cho những chiến công oanh liệt của Quân đội Nhân dân Việt Nam về sau.

Năm là, xây dựng các căn cứ địa

Lựa chọn Cao Bằng làm nơi xây dựng căn cứ địa là sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhận thấy vị thế quan trọng và phong trào cách mạng khá vững của Cao Bằng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết định chọn nơi đây đặt đại bản doanh để từ đó chỉ đạo phong trào cách mạng toàn quốc. Người cho rằng: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Cao Bằng

có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nổi phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tấn công, lúc khó khăn có thể giữ²⁸. Từ đây, Người chỉ đạo mở rộng căn cứ địa, tạo chỗ đứng chân cho Trung ương Đảng, các đảng bộ và lực lượng vũ trang chuẩn bị khởi nghĩa.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, tháng 2-1943, các đồng chí lãnh đạo của hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn-Võ Nhai họp tại Lũng Hòa (Hòa An, Cao Bằng) trao đổi kinh nghiệm xây dựng Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa. Cuộc họp quyết định nối liền hai khu căn cứ, phát triển dần xuống trung du, đồng bằng để kết hợp với phong trào toàn quốc, giữ vững đường liên lạc với Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Trước sự phát triển của các trung tâm căn cứ địa ở Việt Bắc, tháng 8-1944, Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ tổ chức hội nghị quân sự tại Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên bàn việc thành lập, phân định các chiến khu ở miền Bắc. Hội nghị quyết định thành lập 4 chiến khu ở miền Bắc: Chiến khu I gồm Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn; Chiến khu II gồm Thái Nguyên, Bắc Giang, Tuyên Quang, một phần Lạng Sơn, một phần Phú Thọ, một phần Vĩnh Yên; Chiến khu III gồm Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, một phần Sơn Tây; Chiến khu IV gồm Móng Cái, Hải Ninh, Hòn Gai, Kiến An, Hải Phòng, Quảng Yên, Hải Dương.

Thực hiện chủ trương của Hội nghị, cuối năm 1944, Chiến khu Hoàng Hoa Thám (Chiến khu II) được chia thành 2 phân khu: phân khu A (còn gọi là khu Quang Trung) và phân khu B (còn gọi là khu Nguyễn Huệ), lấy sông Cầu làm ranh giới. Sự ra đời của hai phân khu càng thúc đẩy sự phát

triển của phong trào cách mạng ở các địa phương như Bắc Sơn, Bình Gia (Lạng Sơn), Võ Nhai, Đồng Hỷ (Thái Nguyên), Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang), Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa (Thái Nguyên), Chợ Mới, Chợ Đồn (Bắc Cạn), Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa (Tuyên Quang), Lập Thạch (Vĩnh Yên)... Sự nối liền, phát triển và củng cố các căn cứ địa ở Việt Bắc đã chứng tỏ chủ trương của Nguyễn Ái Quốc cũng như của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (2-1943) về mở rộng các căn cứ địa cách mạng là hoàn toàn đúng đắn, thúc đẩy nhanh chóng việc xây dựng lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa.

Với trí tuệ mẫn tiệp, Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh sớm nhận biết thời cơ cách mạng đã đến, Người chủ động về nước tổ chức HNTU 8, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Tinh hoa trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Người cùng với Đảng kịp thời lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 209

2. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*, Nxb QĐND, H, 1969, tr. 33

3, 4, 5, 6, 8, 9, 16, 17, 21, 25, 26, 27. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 7, tr. 100, 112, 112, 118, 461, 466, 136, 177, 129, 356, 356, 357

7, 28. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb CTQG, H, 1994, tr. 32, 33

10, 11, 13, 14, 15. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 230, 237, 256, 267, 243

12. Xem *Sử*, T. 3, tr. 238-244

18, 19. Võ Nguyên Giáp: *Đầu nguồn*, Nxb Văn học, H, 1972, tr. 379, 385

20, 23. Xem Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng: *Bác Hồ với căn cứ địa cách mạng Cao Bằng (1941-1945)*, 1995, tr. 87, 87

22, 24. Xem *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cao Bằng (1930-2000)*, Nxb CTQG, H, 2003, tr. 75, 78.